



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2020**

## A- THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển
- ❖ Ngành nghề hoạt động kinh doanh
- ❖ Địa bàn hoạt động kinh doanh
- ❖ Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Rủi ro

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|  |   |
|--|---|
| <b>Tên giao dịch</b>   | Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB   |
| <b>Giấy chứng nhận ĐKKD</b>  | <ul style="list-style-type: none"><li>Mã số: 5400213153</li><li>Đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/12/2020 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.</li></ul> |
| <b>Vốn điều lệ</b>   | 48.849.000.000 đồng   |
| <b>Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 (theo BCTC đã kiểm toán)</b> | 27.267.730.566 VND  |
| <b>Địa chỉ</b>   | Tổ 9 Phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình   |
| <b>Điện thoại</b>  | 02183.854515/0916.023.638   |
| <b>Fax</b>   |   |
| <b>Website</b>   | <a href="http://www.ximangsongda.vn/">http://www.ximangsongda.vn/</a>   |
| <b>Mã cổ phiếu</b>   | SCC   |

## 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

| Ngày tháng  | Mốc phát triển quan trọng  |
|---|--|
| <p><b>Giai đoạn 1:</b><br/><b>Từ năm 1992</b><br/><b>đến năm 2001</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi công trình thủy điện Hòa Bình được xây dựng xong, để giải quyết nguồn nhân lực còn dôi dư hoặc không có điều kiện chuyển đi công tác nơi khác, lãnh đạo Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà quyết định xây dựng Nhà máy xi măng Sông Đà lò đứng với dây chuyền thiết bị, công nghệ nhập từ Trung Quốc, công suất thiết kế 8,2 vạn tấn xi măng/ năm.</li> <li>- Nhà máy được chính thức khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 1993 với tổng diện tích đất đai là 35.333 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích nhà xưởng là 32.600 m<sup>2</sup>, diện tích sân bãi là 2.733 m<sup>2</sup>. Các phân xưởng được bố trí linh hoạt, phù hợp với diện tích đất đai và phù hợp với dây chuyền công nghệ. Đến tháng 10 năm 1994, nhà máy được xây dựng xong và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Dây chuyền thiết bị tương đối hoàn chỉnh và hiện đại kể từ khâu nghiền sấy phối liệu cho đến khâu đóng bao xi măng.</li> <li>- Địa hình nơi Nhà máy xây dựng có nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Một bên Nhà máy nằm sát Sông Đà thuận tiện cho giao thông đường thủy, một bên Nhà máy nằm gần với Quốc lộ 6 thuận tiện cho việc vận chuyển, chuyên chở bằng đường bộ.</li> <li>- Nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sẵn có ở địa phương như đá vôi, đất sét và nguồn nhân lực...</li> <li>- Sau gần một năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm xi măng của đơn vị đã được Tổng cục đo lường chất lượng chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và sản phẩm đã được đưa vào xây dựng các công trình dân dụng, một số các công trình trọng điểm tại địa phương. Tuy bước đầu Nhà máy còn gặp nhiều khó khăn về sản xuất và địa bàn tiêu thụ sản phẩm song với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ và tay nghề được đào tạo thường xuyên kết hợp với sự ủng hộ của Tổng công ty Sông Đà, công suất máy móc thiết bị ngày càng được nâng cao, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định và sản phẩm của đơn vị đã chiếm được phần lớn thị trường khu vực Tây Bắc, khu vực Hà Nội, Hà Tây.</li> <li>- Đến tháng 6 năm 1996, sản phẩm của đơn vị tiếp tục được cấp dấu chất lượng hợp chuẩn và công suất thực tế đã khai thác đạt khoảng 80% so với công suất thiết kế. Tháng 3 năm 1998, sản phẩm của Nhà máy đạt Huy chương Bạc về chất lượng xi măng quốc gia, đạt 100% công suất thiết kế và tiêu thụ. Năm</li> </ul> |

|   |  |
|---|--|
|   | <p>2000, Tổng công ty Sông Đà giao kế hoạch sản xuất và tiêu thụ 75.000 tấn xi măng/năm, thực tế đã sản xuất và tiêu thụ đạt 85.000 tấn.</p>   |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 10 năm 2001, Nhà máy được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000. Hiện nay, Công ty vẫn duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng này và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ngày càng phù hợp. Năm 2001, 100% sản phẩm của Nhà máy sản xuất ra đều đạt tiêu chuẩn quốc gia và được khách hàng tín nhiệm. Mẫu mã, bao bì được cải tiến phù hợp với thị hiếu của khách hàng. Năm 2001, Nhà máy đã sản xuất và tiêu thụ đạt 89.000 tấn xi măng.</li> </ul>   |
| <b>Giai đoạn 2:<br/>từ năm 2002<br/>đến nay</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc chuyển các doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần (theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 18/6/2002 của Chính phủ), Nhà máy Xi măng Sông Đà là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà đã trở thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1461/QĐ/BXD ngày 01/11/2002 với số vốn Điều lệ khi thành lập là 17 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty Sông Đà giữ cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ 52,7%). Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở máy móc, dây chuyền thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực hiện có. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng và độc lập về tài sản, có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.</li> <li>- Năm 2002, kế hoạch sản xuất và tiêu thụ đặt ra là 90.000 tấn xi măng/ năm, thực tế đã sản xuất và tiêu thụ 110.000 tấn, đạt 122% so với kế hoạch và đạt 134% so với công suất thiết kế. Từ năm 2003 cho đến nay, sản lượng sản xuất và tiêu thụ luôn được giữ vững, đạt từ 100.000 tấn đến 110.000 tấn/ năm.</li> <li>- Năm 2005, Công ty cổ phần xi măng Sông Đà đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng III cho những đóng góp của đơn vị trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.</li> <li>- Năm 2016 Công ty đổi tên thành Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình.</li> <li>- Vốn điều lệ của Công ty duy trì ở mức 19,8 tỷ đồng cho đến thời điểm tháng 6/2020 Công ty đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đầu tiên cho nhà đầu tư chiến lược với tổng giá trị gần 29 tỷ đồng. Do đó vốn điều lệ công ty đã tăng từ 19,8 tỷ đồng lên 48,85 tỷ đồng giúp cho Công ty có đủ nguồn vốn để thực hiện các phương án đầu tư, kinh doanh thương mại.</li> </ul> |

|  |  |
|--|--|
|  | - Tháng 12/2020 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB, đồng thời tiến hành nhiều thay đổi quan trọng trong bộ máy tổ chức quản lý, cũng như hệ thống sản xuất kinh doanh. |
|--|--|

### 3. NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần thứ 11 ngày 10/12/2020, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

| STT | Tên ngành/ Nội dung  |
|-----|--|
| 1   | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm liên quan : Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. |
| 2   | Bán buôn tổng hợp.   |
| 3   | Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.   |
| 4   | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây nông nghiệp.  |
| 5   | Chăn nuôi gia cầm và sản xuất gia cầm  |
| 6   | Khai thác gỗ   |
| 7   | Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ, chi tiết:<br>+ Khai thác lâm sản khác trừ gỗ  |
| 8   | Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ, chi tiết:<br>+ Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ   |
| 9   | Bán buôn kim loại và quặng kim loại  |
| 10  | Khai thác và thu gom than cứng   |
| 11  | Khai thác và thu gom than non  |
| 12  | Khai thác quặng sắt  |
| 13  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm), chi tiết:<br>+ Khai thác quặng uranium và quặng thorium                    |
| 14  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm)<br>Chi tiết:<br>Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                |

|    |   |
|----|---|
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác ( Bao gồm cả thăm dò khoáng sản)  |
| 16 | Đại lý du lịch  |
| 17 | Điều hành tua du lịch   |
| 18 | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá tổ chức tua du lịch  |
| 19 | Bán buôn thực phẩm  |
| 20 | Bán buôn đồ uống  |
| 21 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình ( Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)  |
| 22 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác   |
| 23 | Bán lẻ ô tô con ( Loại 9 chỗ trở xuống)   |
| 24 | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác   |
| 25 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe động cơ khác   |
| 26 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  |
| 27 | Bán mô tô, xe máy   |
| 28 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.  |
| 29 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp  |
| 30 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.  |
| 31 | Xây dựng công trình đường sắt   |
| 32 | Xây dựng công trình đường bộ  |
| 33 | Xây dựng công trình thủy  |
| 34 | Xây dựng công trình khai khoáng   |
| 35 | Xây dựng các công trình điện  |
| 36 | Xây dựng các công trình viễn thông, thông tin liên lạc  |
| 37 | Phá dỡ mặt bằng.  |
| 38 | Chuẩn bị mặt bằng   |
| 39 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Đồ ngũ kim, sơn, kính |
| 40 | Xây dựng các công trình chế biến, chế tạo.  |
| 41 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi điều hoà không khí.   |
| 42 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác  |

|    |  |
|----|--|
| 43 | Cho thuê xe có động cơ   |
| 44 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.  |
| 45 | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác  |
| 46 | Sản xuất đồ gỗ xây dựng  |
| 47 | Sản xuất bao bì bằng gỗ  |
| 48 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện   |
| 49 | Bán buôn gạo   |
| 50 | Bán buôn nông, lâm, hải sản và động vật sống   |
| 51 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách sạn</li> <li>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</li> <li>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</li> <li>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự</li> </ul> |
| 52 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động   |
| 53 | Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh:  |
| 54 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ  |
| 55 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy  |
| 56 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.   |
| 57 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Bao gồm cả sản xuất gạch không nung)  |
| 58 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa phân vào đâu.   |
| 59 | Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.   |
| 60 | Bốc xếp hàng hoá.  |
| 61 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  |
| 62 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết:<br>Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp ( khi có đủ điều kiện được nhà nước cho phép)   |
| 63 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết:<br>Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở   |



|    |   |
|----|---|
| 64 | Vận tải hàng hóa bằng đường   |
| 65 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét   |
| 66 | Khai thác khoáng chưa được phân vào đâu:<br>Chi tiết: khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng        |
| 67 | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa<br>Chi tiết: sản xuất bao bì bằng giấy (vỏ bao xi măng) |
| 68 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao<br>Chi tiết: sản xuất xi măng  |

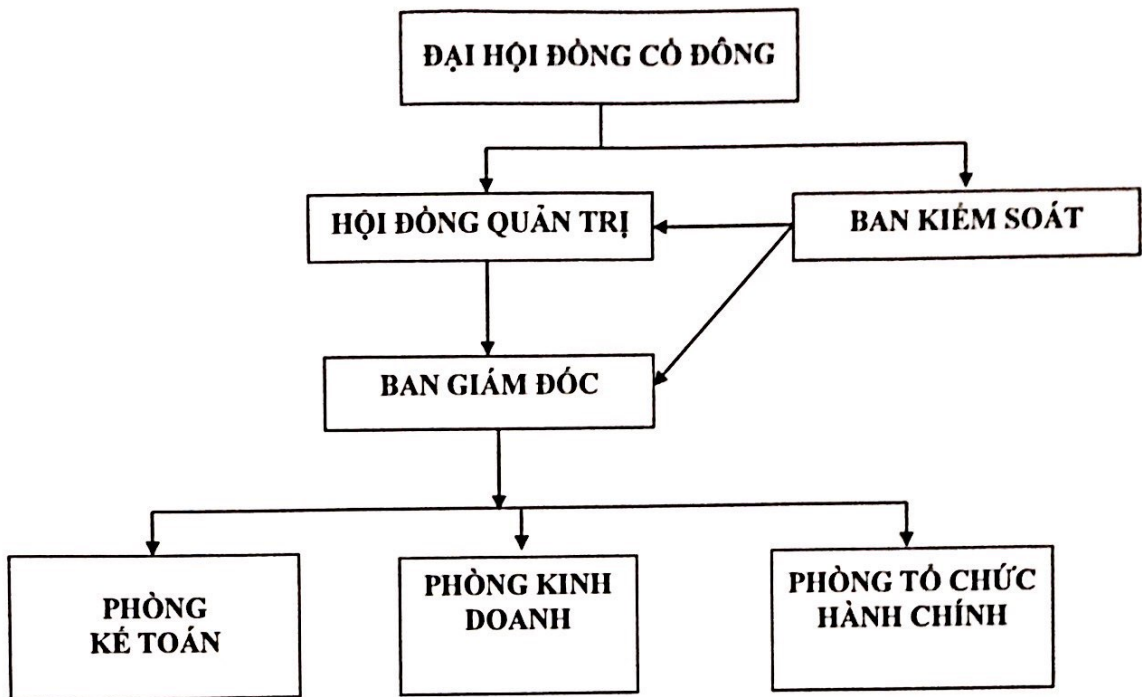
#### 4. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh ở địa bàn kinh doanh chính là: Điện Biên, Phú Thọ, Tây Bắc Bộ, Hòa Bình, Hải Phòng.





## 5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## 6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 6.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thông qua mở rộng hình thức sở hữu và huy động vốn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến.
- Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

### 6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

#### ✓ Về phát triển kinh doanh

Trong thời gian trước mắt cũng như về lâu dài, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện những chiến lược phát triển đã vạch ra:

- Phát triển và nâng cao năng lực của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng thương mại SHB; kinh doanh các mặt hàng

đá xây dựng, cát nhân tạo, vật liệu xây dựng xi măng, đồng thời mở rộng và phát triển thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới có nhiều tiềm năng.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

#### ✓ Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

#### ✓ Các hoạt động khác

- Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.
- Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...
- Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

## 7. RỦI RO

### 7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB nói riêng. Do vậy, Công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

#### Tăng trưởng kinh tế thế giới

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2020 giảm 4,4%, mức giảm thấp hơn so với dự báo đưa ra trong tháng 6 năm 2020 (-4,9%). Điều chỉnh tích cực này là do tăng

trường GDP Quý II tại các nền kinh tế phát triển tốt hơn dự kiến và các chỉ tiêu cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ hơn trong Quý III. Dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 5,2% trong năm 2021. Tăng trưởng nhóm các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm 5,8% năm 2020, nhưng sẽ tăng lên mức 3,9% trong năm 2021. Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, tăng trưởng được dự báo ở mức -3,3% năm 2020 và tăng lên 6% năm 2021. Cũng theo dự báo năm 2020 gần đây, Tổng Giám đốc Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva đánh giá tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ chịu ảnh hưởng nhẹ từ dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) gây ra.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cho rằng đại dịch COVID-19 tiếp tục gây thiệt hại đáng kể cho các nền kinh tế và xã hội. Dựa trên giả định các đợt bùng phát virus mới được kiểm chế và triển vọng vắc-xin phổ biến rộng rãi vào cuối năm 2021 sẽ giúp củng cố niềm tin, kinh tế toàn cầu sẽ dần phục hồi nhưng không giống nhau giữa các quốc gia trong hai năm tới. Sau khi sụt giảm mạnh trong năm nay (-4,2%), GDP toàn cầu được dự báo sẽ tăng khoảng 4,2% vào năm 2021 và 3,7% vào năm 2022. Vào cuối năm 2021, GDP toàn cầu sẽ ở mức trước khủng hoảng nhờ phục hồi kinh tế mạnh mẽ của Trung Quốc.

Tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế Fitch Ratings (FR) cũng nâng dự báo tăng trưởng GDP thế giới năm 2021 thêm 0,1 điểm phần trăm, lên 5,3%. Dự kiến tăng trưởng mạnh hơn ở cả Hoa Kỳ và Trung Quốc trong năm tới sẽ bù cho tăng trưởng yếu hơn ở châu Âu. Tốc độ tăng trưởng trên 5% sẽ là rất cao khi GDP thế giới đạt trung bình 2,6% một năm kể từ năm 1990.

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty..

### **Tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc và Mi-an-ma, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay; đồng thời quy mô nền kinh tế nước ta đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Xin-ga-po (337,5 tỷ USD) và Ma-lai-xi-a (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia

có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a 1.088,8 tỷ USD; Thái Lan 509,2 tỷ USD và Phi-li-pin 367,4 tỷ USD).

Trong tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng cao nhất với 3,98%, đóng góp 1,62 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, đóng góp 1,25 điểm phần trăm. Chỉ số sản xuất công nghiệp của một số ngành như sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; sản xuất kim loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học... tăng khá với tốc độ tăng tương ứng là 27,1%; 14,4%; 11,4% và 11,3%, góp phần đưa ngành chế biến, chế tạo tăng trưởng khả quan trong bối cảnh dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên liệu sản xuất đầu vào.

Một điểm sáng trong bức tranh kinh tế năm 2020 không thể không nhắc đến đó là xuất khẩu vượt khó trong tình hình dịch bệnh, duy trì tăng trưởng dương; xuất siêu hàng hóa đạt mức cao kỷ lục (19,1 tỷ USD) và cán cân thương mại duy trì xuất siêu 5 năm liên tiếp (Kim ngạch xuất siêu hàng hóa các năm trong giai đoạn 2016-2020 lần lượt là: 1,6 tỷ USD; 1,9 tỷ USD; 6,5 tỷ USD; 10,9 tỷ USD; 19,1 tỷ USD). Việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do đã mang lại những tín hiệu tích cực cho nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA). Năm 2020, xuất khẩu sang EU đạt 34,8 tỷ USD; đáng chú ý, sau 5 tháng được thực thi (từ 01/8/2020), tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 15,4 tỷ USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Điều này phản ánh năng lực sản xuất trong nước tăng trưởng cao, môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh được tạo thuận lợi và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành tựu. Đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế khu vực EU suy giảm nghiêm trọng và tiếp tục đối mặt với dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là chỉ báo quan trọng để Công ty đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ. Chính vì thế, hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây gắn liền với nhu cầu của thị trường.

## **7.2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2021, nhiều chính sách liên quan đến lĩnh vực đất đai có hiệu lực. Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14), với nhiều điểm mới (như: Bổ sung công trình được miễn giấy phép (Khoản 30 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ

sung 2020), theo đó: công trình quảng cáo; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động... được miễn giấy phép; thời gian cấp giấy phép được rút ngắn 10 ngày so với quy định Luật Xây dựng năm 2014 (điểm b Khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020), theo đó thời gian cấp giấy phép chỉ còn trong thời gian 20 ngày;

Bỏ quy định về đủ vốn khi khởi công xây dựng (Khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung 2020), không còn quy định điều kiện về bố trí đủ vốn theo tiến độ xây dựng công trình; Quy định cụ thể một số dự án phải đánh giá tác động môi trường (Khoản 11 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020), luật mới đã bỏ sung quy định đánh giá sơ bộ tác động môi trường khi lập dự án đầu tư xây dựng; Tăng cường phân cấp trong thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng (điểm c Khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung 2020), theo đó UBND cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt thay vì Bộ Xây dựng như quy định trước đây, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2020).

Cũng tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư 2020 (Luật số 61/2020/QH14), với nhiều điểm mới, như: Thống nhất việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở, khu đô thị, dự án bất động sản thực hiện theo trình tự thủ tục của pháp luật về đầu tư;

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở 2014, Luật Kinh doanh BĐS 2014, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp... và kết hợp với Luật Xây dựng (sửa đổi) đã đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến việc chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở, BĐS).

Ngoài ra, một số chính sách khác được sửa đổi, bổ sung có nhiều tác động cho thị trường BĐS, như: Nghị định số 25/2020/NĐ-CP đã tháo gỡ được điểm nghẽn của các dự án BĐS về thủ tục giao đất cho nhà đầu tư trúng đấu thầu; Nghị định số 68/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

Nghị quyết 164/NQ-CP (áp dụng đến khi Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực 01/01/2021); Trong đó, các dự án chỉ thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Nhà ở năm 2014 mà không phải thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư theo quy định của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, với nhiều quy định mới.

Để kịp thời dự báo, ứng phó cũng như giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất đối với những thay đổi trong chính sách về luật, SCC có bộ phận pháp lý trực thuộc Ban thư ký Hội Đồng Quản Trị thường xuyên theo dõi, cập nhật những biến động luật pháp để kịp thời tham mưu, tư vấn cho

Ban lãnh đạo có thể tận dụng tối ưu những điều kiện pháp lý có lợi và giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty được đưa ra.

### 7.3. Rủi ro đặc thù ngành

#### a) Rủi ro đặc thù trong ngành khai khoáng

Năm 2020, do ảnh hưởng dịch Covid 19: Các hoạt động khai thác khoáng sản bị gián đoạn sản xuất do nhân sự và nguồn cầu trên thị trường giảm chung. Ngành khai khoáng giảm sâu chủ yếu do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm mạnh. Cụ thể: Ngành khai khoáng giảm 8,24% do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm mạnh, làm giảm 0,36 điểm phần trăm mức tăng chung. Chi tiết: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 13,7%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 11,9%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng giảm 9,8%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 03/2021 ước tính tăng 22,1% so với tháng trước và tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 17,1% so với tháng trước và giảm 8,6% so với cùng kỳ; ngành chế biến, chế tạo lần lượt tăng 22,5% và 5,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 26,4% và 3,4%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,8% và tăng 8,7%. Tính chung 3 tháng đầu năm 2021, IIP toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,3%; riêng ngành khai khoáng giảm 8,2%...

Những điều chỉnh trên cũng có tác động trực tiếp đến việc kinh doanh các mặt hàng đất, cát.. của Công ty.

#### b) Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Những biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường có thể gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc biến động giá có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như quy luật cung- cầu trên thị trường, tâm lý sợ hãi và tham lam của các nhà đầu tư, những thông tin không chắc chắn và những biến động giá từ thị trường quốc tế, hay do chính bản thân doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ... Những điều này có thể làm cho giá cổ phiếu của doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, làm doanh nghiệp khó huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp luôn hỗ trợ nhà đầu tư bằng việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời, nhằm giúp nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất dựa trên kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.





## B- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư, tình hình thực các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ❖ Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

(Đơn vị tính: Đồng)

| STT | Chỉ tiêu  | Số tiền        |
|-----|---|----------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 51.504.473.233 |
| 2   | Các khoản giảm trừ                              | 0              |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 51.504.473.233 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                                | 44.111.342.955 |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 7.393.130.278  |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 776.598        |
| 7   | Chi phí tài chính                               | 29.424.561     |
| 8   | Chi phí bán hàng                                | 2.022.949.465  |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 1.607.766.578  |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 3.733.766.272  |
| 11  | Thu nhập khác                                   | 0              |
| 12  | Chi phí khác                                    | 61.546.751     |
| 13  | Lợi nhuận khác                                  | (61.546.751)   |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 3.672.219.521  |
| 15  | Thuế TNDN                                       | -              |
| 17  | Lợi nhuận sau thuế TNDN                         | 3.672.219.521  |
| 18  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 1.070          |

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020)

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ và tên       | Chức vụ  |
|-----|-----------------|--|
| 1   | Nguyễn Văn Hưng | Chủ tịch HĐQT                                  |
| 2   | Phan Minh Tuấn  | Tổng giám đốc Công ty                          |
| 3   | Nguyễn Tự Hào   | Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐQT |
| 4   | Đặng Xuân Dương | Thành viên HĐQT                                |
| 5   | Nguyễn Chí Thức | Thành viên HĐQT                                |
| 6   | Phạm Thanh Dung | Kế toán trưởng                                 |

#### • Ông Nguyễn Văn Hưng - Chủ tịch HĐQT

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| Giới tính                             | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                   | 02/02/1972  |
| Nơi sinh                              | Dương Xuân, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng  |
| Quốc tịch                             | Việt Nam  |
| Địa chỉ thường trú                    | 01/TT4, dự án Hải Đăng City, tdp 11, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội   |
| Chỗ ở hiện tại                        | 01/TT4, dự án Hải Đăng City, tdp 11, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội   |
| CMND                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Số: 040402899</li><li>Ngày cấp: 22/11/2013</li><li>Nơi cấp: CA tỉnh Điện Biên</li></ul> |
| Trình độ chuyên môn                   | Cử nhân kinh tế   |
| Chức vụ hiện nay                      | Chủ tịch HĐQT   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.   |
| Số cổ phần nắm giữ                    | Tổng: 0 cổ phiếu, trong đó:   |

|  |  |
|--|--|
|  | Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ.<br><ul style="list-style-type: none"> <li>Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ.</li> </ul> |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 44.000 cổ phiếu, chiếm 0,9 % vốn điều lệ.  |

• Ông Phan Minh Tuấn – Tổng Giám đốc Công ty

|  |   |
|--|---|
| Giới tính  | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                                      | 01/05/1969                                    |
| Nơi sinh   | Bình Định                                     |
| Quốc tịch  | Việt Nam                                      |
| Địa chỉ thường trú                                       | 2 Tổ 13B, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội   |
| Chỗ ở hiện tại   | 65 Bùi Thị Xuân, An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng |
| Thẻ căn cước công dân                                    | 001069000472                                  |
| Trình độ chuyên môn                                      | MBA. Thạc sỹ kinh tế                          |
| Chức vụ hiện nay   | Tổng GD Công ty                               |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác                    | Không   |
| Số cổ phần nắm giữ                                       | Tổng 0 cổ phiếu                               |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu                                    |

• Ông Nguyễn Tự Hào – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐQT

|                     |                                    |
|---------------------|------------------------------------|
| Giới tính           | Nam                                |
| Ngày tháng năm sinh | 07/06/1974                         |
| Nơi sinh            | Lại Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Quốc tịch           | Việt Nam                           |
| Địa chỉ thường trú  | Lại Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng |

|  |   |
|--|---|
| Chỗ ở hiện tại   | Tổ 9, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  |
| Thẻ căn cước công dân                                    | 31074001549   |
| Trình độ chuyên môn                                      | Giám đốc kinh doanh (CCO)   |
| Chức vụ hiện nay   | Phó Tổng GD Công ty kiêm Thành viên HĐQT  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác                    | Không   |
| Số cổ phần nắm giữ                                       | Tổng 44.000 cổ phiếu, trong đó:<br>Sở hữu cá nhân: 44.000 cổ phiếu, chiếm 0,9 % vốn điều lệ.<br>Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ. |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu  |

• Ông Nguyễn Chí Thức- Thành viên HĐQT

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| Giới tính                             | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh                   | 24/6/1983   |
| Nơi sinh                              | Quảng Phú, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa  |
| Quốc tịch                             | Việt Nam  |
| Địa chỉ thường trú                    | Chung cư Hòa Bình, 505 Minh khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.   |
| Số hộ chiếu                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Số hộ chiếu: C3457492</li> <li>• Ngày cấp: 19/6/2017</li> <li>• Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh</li> </ul> |
| Trình độ chuyên môn                   | Cử nhân   |
| Chức vụ hiện nay                      | Thành viên HĐQT   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không   |
| Số cổ phần nắm giữ                    | Tổng 0 cổ phiếu.  |

|  |            |
|--|------------|
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu |
|--|------------|

• Ông Đặng Xuân Dương- Thành viên HĐQT

|  |                                  |
|--|----------------------------------|
| Giới tính  | Nam                              |
| Ngày tháng năm sinh                                      | 15/8/1980                        |
| Nơi sinh   | Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng |
| Quốc tịch  | Việt Nam                         |
| Địa chỉ thường trú                                       | Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng |
| Thẻ căn cước công dân                                    | 0310800000934                    |
| Trình độ chuyên môn                                      | Cử nhân                          |
| Chức vụ hiện nay   | Thành viên HĐQT                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác                    | Không                            |
| Số cổ phần nắm giữ                                       | Tổng 0 cổ phiếu.                 |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu                       |

• Bà Phạm Thanh Dung – Kế toán trưởng

|                     |  |
|---------------------|--|
| Giới tính           | Nữ   |
| Ngày tháng năm sinh | 01/10/1992   |
| Nơi sinh            | Tỉnh Điện Biên   |
| Quốc tịch           | Việt Nam   |
| Địa chỉ thường trú  | Hồng Việt, Đông Hưng, Thái Bình.                             |
| CMND                | 040414925 cấp ngày 07/07/2011 do Công an tỉnh Điện Biên cấp. |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kế toán  |

|  |                  |
|--|------------------|
| Chức vụ hiện nay   | Kế toán trưởng   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác                    | Không            |
| Số cổ phần nắm giữ                                       | Tổng 0 cổ phiếu. |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan | 0 cổ phiếu       |

## 2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 19/11/2020, Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Bà Nguyễn Thị Hà đồng thời bổ nhiệm mới Giám đốc Phan Minh Tuấn

## 3. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

| Tiêu chí                        | Giá trị |
|---------------------------------|---------|
| Số lượng nhân sự đến 31/12/2020 | 7 người |

### - Chế độ làm việc:

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

### - Chính sách đào tạo:

Do yêu cầu vận hành các dây chuyền kỹ thuật mới trong xây dựng nên vấn đề đào tạo và đào tạo lại được Công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Trong công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường



dại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

- **Chính sách lương thưởng vào phúc lợi:**

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

- **Chính sách trợ cấp:**

Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;

Trợ cấp thôi việc theo Luật hiện hành và Công ty cũng trợ cấp thêm tiền ngoài Luật

- **Các chính sách khác:**

Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

#### **4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

##### **4.1 Các dự án đầu tư lớn trong năm 2020**

- Để phục vụ công tác nắm bắt thị trường Công ty đã thực hiện mua thêm tài sản 01 xe bán tải Toyota Hilux và thuê 01 xe Kia.
- Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mở rộng thị trường Công ty đã thuê thêm 04 xe tải.
- Để đa dạng hóa phương thức bán hàng Công ty đã đầu tư thêm hệ thống xuất hàng đường thủy.
- Ngoài ra, Công ty đã sửa chữa Khu văn phòng để góp phần kiên cố, đáp ứng nhu cầu sử dụng quản lý.

#### **5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

##### **5.1 Tình hình tài chính Công ty**

(Đơn vị tính : Đồng)

| Chỉ tiêu                          | Năm 2019        | Năm 2020       | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 31.550.406.210  | 41.301.898.348 | 130,91%     |
| Doanh thu thuần                   | 12.731.761.298  | 51.504.473.233 | 404,54%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (4.413.176.634) | 3.733.766.272  | -84,60%     |
| Lợi nhuận khác                    | (4.472.029.638) | (61.546.751)   | 1,38%       |
| Lợi nhuận trước thuế              | (8.885.206.272) | 3.672.219.521  | -41,33%     |
| Lợi nhuận sau thuế                | (8.885.206.272) | 3.672.219.521  | -41,33%     |

(Số liệu lấy từ BCTC năm 2020 đã kiểm toán)

## 5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đơn vị tính: Đồng)

| Chỉ tiêu   | ĐVT  | Năm 2020<br>(BCTC) | Năm 2019<br>(BCTC) |
|--|------|--------------------|--------------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>          |      |                    |                    |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)           | Lần  | 2,54               | 1,064              |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH | Lần  | 2,53               | 0,4                |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                   |      |                    |                    |
| - Hệ số nợ/tổng tài sản                            | Lần  | 0,34               | 1,17               |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu                          | Lần  | 0,51               | (6,79)             |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>           |      |                    |                    |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq) | Vòng | 4,74               | 1,19               |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân           |      | 1,41               | 0,41               |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>            |      |                    |                    |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần        | %    | 7,13               | (69,84)            |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân      | %    | 33,67              | (8,88)             |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân      | %    | 10,08              | (28,60)            |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | %    | 7,25               | (34,64)            |

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2020 cho thấy:

Năm 2019, Công ty đang trong tình trạng mất cân đối nguồn vốn. Các nhóm chỉ số đều nói lên

dự báo về thiếu nguồn vốn lớn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh thông thường.

Nhưng đến năm 2020, do Công ty đã phát hành thành công cho cổ đông chiến lược đồng hành phát triển cùng Công ty nên đã đủ nguồn vốn hoạt động và tăng năng lực sản xuất đặc biệt là tăng được sản lượng năm 2020 ở mức rất ấn tượng: Doanh thu tăng 404,54%, Lợi nhuận Công ty năm nay đã đạt 3,7 tỷ đồng. Dự kiến trong các năm tới, Công ty sẽ cố gắng đạt được lợi nhuận đều hàng năm. Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đã dương 33,67%. Các chỉ số tài chính năm 2020 đã cải thiện đáng kể do tình hình kinh doanh của Công ty đã tốt lên rất nhiều.

## 6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 6.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 4.792.500 cổ phần. Trong đó:

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 1.887.600 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 2.904.900 cổ phần.

Số cổ phiếu quỹ : 92.400 cổ phần

### 6.2. Cơ cấu cổ đông

| TT | Danh mục                  | Số lượng (cổ đông) | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị theo mệnh giá (VND) | Tỷ lệ (%) |
|----|---------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------|-----------|
| I  | Cổ đông trong nước        | 504                | 4.756.800            | 47.568.000.000              | 97,38%    |
| 1  | Cổ đông tổ chức           | 8                  | 1.207.220            | 12.072.200.000              | 24,71%    |
|    | <i>Trong đó: Nhà nước</i> | 2                  | 32.140               | 321.400.000                 | 0,66%     |
| 2  | Cổ đông cá nhân           | 496                | 3.549.580            | 35.495.800.000              | 72,67%    |
| II | Cổ đông nước ngoài        | 26                 | 35.700               | 357.000.000                 | 0,73%     |

|     |                  |            |                  |                       |             |
|-----|------------------|------------|------------------|-----------------------|-------------|
| 1   | Cổ đông tổ chức  | 1          | 5.900            | 59.000.000            | 0,12%       |
| 2   | Cổ đông cá nhân  | 25         | 29.800           | 298.000.000           | 0,61%       |
| III | Cổ phiếu quỹ     |            | 92.400           | 924.000.000           | 1,89%       |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>530</b> | <b>4.884.900</b> | <b>48.849.000.000</b> | <b>100%</b> |

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

| TT | Tên cổ đông   | Số ĐKKD/<br>CMND | Địa chỉ   | Số cổ<br>phần nắm<br>giữ (cổ<br>phần) | Tỷ lệ/<br>VĐL (%) |
|----|---|------------------|---|---------------------------------------|-------------------|
| 1. | ĐỖ VĂN<br>TRƯỜNG  | 031361494        | Lại Xuân, Thủy Nguyên,<br>Hải Phòng                 | 1.917.300                             | 39,25%            |
| 2. | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN ĐẦU<br>TƯ THƯƠNG<br>MẠI HƯNG<br>LONG TỈNH<br>ĐIỆN BIÊN | 5600252488       | Bản Na Thìn, xã Pom Lót,<br>huyện Điện Biên         | 1.082.500                             | 22,16%            |
| 3. | NGUYỄN<br>ĐỨC THUẬN   | 040830712        | Phường Mường Thanh, TP<br>Điện Biên, tỉnh Điện Biên | 900.000                               | 18,42%            |
|    | <b>Tổng cộng</b>  |                  |   | <b>3.899.800</b>                      | <b>79,83%</b>     |

### 6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2020 Công ty hoàn thành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

### 6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ: 92.400 cổ phiếu. Dự kiến sẽ bán số cổ phiếu này cho cán bộ nhân viên, ban điều hành Công ty trong năm 2021 theo sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.

## **7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

### **7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

### **7.2. Tiêu thụ năng lượng**

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

### **7.3. Tiêu thụ nước:**

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh.

### **7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

### **7.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

## C- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- ❖ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**



## 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Đơn vị tính: Đồng)

| Chỉ tiêu                              | Năm 2020<br>(BCTC đã kiểm toán) | Năm 2019<br>(BCTC kiểm toán) | Tỷ lệ tăng giảm<br>(%) |
|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu thuần                    | 51.504.473.233                  | 12.731.761.298               | 404,54%                |
| 2. Giá vốn hàng bán                   | 44.111.342.955                  | 12.554.413.653               | 351,36%                |
| 3. Lợi nhuận gộp                      | 7.393.130.278                   | 177.347.645                  | 4168,72%               |
| 4. Doanh thu tài chính                | 776.598                         | 1.150.552                    | -32,50%                |
| 5. Chi phí tài chính                  | 29.424.561                      | 727.580.479                  | -95,96%                |
| 6. Chi phí bán hàng                   | 2.022.949.465                   | 719.505.702                  | 281,16%                |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp       | 1.607.766.578                   | 3.144.588.650                | -48,87%                |
| 8. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD        | 3.733.766.272                   | (4.413.176.634)              | -118,20%               |
| 9. Lợi nhuận khác                     | (61.546.751)                    | (4.472.029.638)              | 1,38%                  |
| 10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.672.219.521                   | (8.885.206.272)              | -41,33%                |
| 11. Thuế TNDN hiện hành               | 0                               | 0                            |                        |
| 12. Lợi nhuận sau thuế TNDN           | 3.672.219.521                   | (8.885.206.272)              | -41,33%                |
| 13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)   | 1.070                           | (4.820)                      |                        |

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã đạt được lợi nhuận vượt như kỳ vọng ở cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Do HĐQT đã rất nỗ lực tăng doanh thu trong kỳ và giảm mức lỗ so với năm ngoái và tạo công ăn việc làm cho nhiều cán bộ nhân viên. Áp lực về lỗ các năm triền miên, HĐQT cũng đã luôn tìm thêm các cơ hội từ các nhà đầu tư để gia tăng các lĩnh vực sản xuất mới. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng thêm địa bàn kinh doanh và tích cực tìm thêm các khách hàng tiềm năng trải rộng khắp nước để gia tăng lợi nhuận.

## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 2.1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: Đồng)

| Chi tiêu                                | Năm 2020              | Năm 2019              |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>34.738.666.236</b> | <b>29.842.595.834</b> |
| I. Tiền                                 | 226.632.228           | 148.726.995           |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0                     | 0                     |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn        | 33.776.393.560        | 9.033.189.231         |
| IV. Hàng tồn kho                        | 164.798.197           | 18.463.379.878        |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                | 570.842.251           | 2.197.299.730         |
| <b>B. Tài sản dài hạn</b>               | <b>6.563.232.112</b>  | <b>1.707.810.376</b>  |
| I. Tài sản dở dang dài hạn              | 0                     | 0                     |
| II. Tài sản cố định                     | 3.433.134.528         | 1.207.810.376         |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 500.000.000           | 500.000.000           |
| V. Tài sản dài hạn khác                 | 2.630.097.584         | 0                     |
| <b>Tổng tài sản</b>                     | <b>41.301.898.348</b> | <b>31.550.406.210</b> |

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

Tình hình tài sản Công ty trong năm chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 84,11% so với quy mô tổng tài sản của toàn Công ty. Tài sản ngắn hạn năm nay của Công ty tăng chủ yếu do hàng tồn kho: Đầu năm 2021 Công ty cũng đã xuất bán gần hết hàng hóa. Bên cạnh đó lượng hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là đá xây dựng nên cũng không quá lo lắng vì lượng tồn này. Trong năm, Công ty cũng hạn chế đầu tư các tài sản cố định vì không đủ nguồn tiền sẵn tại Công ty. Vì vậy, kế hoạch năm 2021, Công ty mở rộng quy mô kinh doanh sẽ cần đến các tài sản cố định thiết yếu để phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận bù đắp được khoản lỗ hiện tại của Công ty.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: đồng)



| Chỉ tiêu                | Năm 2020<br>(BCTC đã kiểm toán) | Năm 2019<br>(BCTC đã kiểm toán) | Tăng giảm<br>(+/-%) |
|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------|
| <b>A.Nợ phải trả</b>    | <b>14.034.167.782</b>           | <b>37.003.895.165</b>           | <b>-62,07%</b>      |
| I.Nợ ngắn hạn           | 13.653.215.402                  | 28.003.895.165                  | -51,25%             |
| II.Nợ dài hạn           | 380.952.380                     | 9.000.000.000                   | -95,77%             |
| <b>B.Vốn chủ sở hữu</b> | <b>27.267.730.566</b>           | <b>(5.453.488.955)</b>          | <b>-500,01 %</b>    |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>   | <b>41.301.898.348</b>           | <b>31.550.406.210</b>           | <b>30,91%</b>       |

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

Tình hình kinh doanh năm 2020 nói chung và của Công ty nói riêng rất khó khăn. Công ty đã cố gắng duy trì bộ máy hoạt động, trong đó lợi nhuận gộp chưa đủ chi trả cho các chi phí thường xuyên phải duy trì tại Công ty. Chủ yếu do lợi nhuận lũy kế của Công ty âm, nên vốn chủ sở hữu đã giảm và về mức âm nên không thể không vay ngắn và dài hạn ngân hàng. Đặc biệt trong giai đoạn khó khăn này. Chính vì vậy, đầu năm 2021 Công ty đã có kế hoạch tăng thêm vốn tăng thêm khoảng 50,2 tỷ và đã được ĐHCĐ bất thường thông qua phương án. Nhằm đảm bảo tận dụng tối đa các khoản tiền đổ vào từ nhà đầu tư chiến lược, cú hích để Công ty có thể phát triển tốt hơn trong thời gian tới, đỡ được gánh nặng về chi phí lãi vay ngân hàng.

Công ty đã theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

### 3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

#### 3.1. Chiến lược phát triển nâng cao năng lực Công ty

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh, phạm vi hoạt động và sản xuất đa dạng.

Củng cố và xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty gọn nhẹ nhưng thực sự tinh nhuệ, đủ mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng để đảm đương và hoàn thành các công việc thật sự chất lượng, hiệu quả.

#### 3.2. Chiến lược phát triển trong sản xuất kinh doanh

- Chiến lược phát triển khâu thương mại : mua bán cát, đá nhân tạo:

Những năm gần đây, việc sử dụng cát nhân tạo hay còn gọi là cát nghiền đá vôi, đá granit, đá bazan... đang trở thành một xu hướng tất yếu khi mà nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn,

nhỏ đã sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên, trước vùng nguyên liệu khai thác cát tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Mặc dù nhu cầu sử dụng cát cho xây dựng và san lấp rất lớn, nhưng sản lượng khai thác cát tự nhiên không còn nhiều, cộng với việc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt rà soát, giám sát và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân khai thác cát lậu lại càng làm cho nguồn cung cát tự nhiên bị thu hẹp. Việc sử dụng cát nhân tạo, dưới góc nhìn của các chuyên gia kinh tế xây dựng, sẽ góp phần làm giảm thất thoát, lãng phí, tiết kiệm chi phí cho công trình trước tình hình biến động không ổn định của giá cát tự nhiên.

Theo đó, Công ty đang nỗ lực phát triển ngành thương mại: mua bán thác đá, cát nhân tạo để tăng doanh thu và đem lại lợi nhuận về Công ty.

### **3.3. Chiến lược đầu tư, đào tạo phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao thu nhập CBCNV, có cơ chế ưu đãi khuyến khích động viên cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật khi phải đảm nhận nhiệm vụ, đảm đương các công việc có tính chất phức tạp và nằm tại các vùng khó khăn, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện và môi trường làm việc để mỗi cá nhân có cơ hội tự phát triển, hoàn thiện, nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình.

Thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng cán bộ, trình độ chuyên môn.

Hợp tác đào tạo hoặc gửi đi đào tạo khối công nhân kỹ thuật để có thể tiếp cận và vận hành các dây truyền sản xuất mới, hiện đại.

### **3.4. Chiến lược huy động vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần:**

Huy động nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng mà Công ty đang triển khai.

### **3.5. Công tác tài chính**

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp. hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2021 và những năm tới.

### **3.6. Công tác tổ chức**

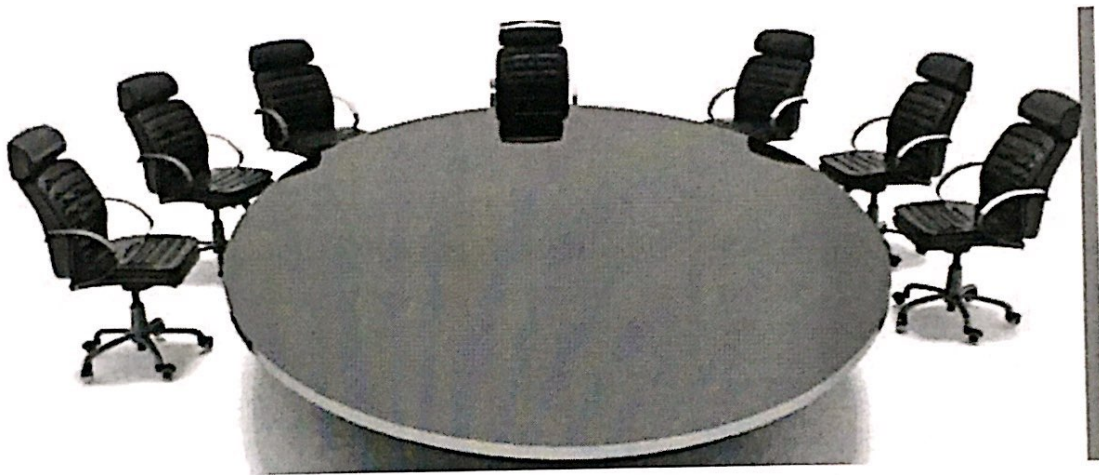
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.

- Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên Công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.



## II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



# 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1.1. Công tác phát triển Công ty

Hiện tại lĩnh vực chủ yếu của SCC là khai thác đá xây dựng, cát nhân tạo đây là những lĩnh vực có nhiều triển vọng và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước. Những năm gần đây, việc sử dụng cát nhân tạo hay còn gọi là cát nghiền đá vôi, đá granit, đá bazan... đang trở thành một xu hướng tất yếu khi mà nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, nhỏ đã sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên, trước vùng nguyên liệu khai thác cát tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Mặc dù nhu cầu sử dụng cát cho xây dựng và san lấp rất lớn, nhưng sản lượng khai thác cát tự nhiên không còn nhiều, cộng với việc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt rà soát, giám sát và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân khai thác cát lậu lại càng làm cho nguồn cung cát tự nhiên bị thu hẹp. Việc sử dụng cát nhân tạo, dưới góc nhìn của các chuyên gia kinh tế xây dựng, sẽ góp phần làm giảm thất thoát, lãng phí, tiết kiệm chi phí cho công trình trước tình hình biến động không ổn định của giá cát tự nhiên..Ngày 03/02/2021, Công ty đã tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 để huy động vốn phát hành cho các nhà đầu tư chiến lược để bù đắp các khoản lỗ hiện tại tại Công ty, theo đó năm 2021 dự báo sẽ là năm khởi đầu tiếp tục có những kỳ vọng về doanh thu và lợi nhuận lớn. Trong những năm tới, Công ty đã đề ra chiến lược gia tăng sản xuất kinh doanh như phát triển nguồn nhân lực, huy động vốn, tiếp tục củng cố, kiện toàn cũng như mở rộng ngành nghề. Với định hướng này, Công ty có thể kết hợp sức mạnh truyền thống của mình trong lĩnh vực xây lắp với sức mạnh cũng như thời cơ trong việc kinh doanh bất động sản để hoà cùng sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

## 1.2. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn Công ty với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- Năm 2020 Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- Năm 2020 Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

## 1.3. Công tác tổ chức

- Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.

- Ban hành các Quy chế quản lý Công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị Công ty khoa học, hiệu quả.
- Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.

## **2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc đứng đầu là Tổng giám đốc Công ty đã điều hành linh hoạt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và là người đại diện trước pháp luật đã điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

Tổng giám đốc đã phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chỉ đạo các phòng ban rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; Nắm bắt và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đã hoàn thành xuất sắc, đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cụ thể như các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, công tác an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiện và đảm bảo cổ tức cho cổ đông...

### III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.
- Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.
- Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.
- Các cuộc họp của HĐQT như sau:

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày      | Nội dung  |
|-----|------------------------------|-----------|---|
| 1   | 01/2020/NQ-<br>HĐQT-SCC      | 03/2/2020 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để huy động vốn .                            |
| 2   | 02/2020/NQ-<br>HĐQT/SCC      | 15/2/2020 | Thông qua vấn đề cho Công ty TNHH TM & VT Huy Minh mượn tài sản Công ty để thế chấp vay ở Ngân hàng |
| 3   | 10.02/2020/BB-<br>HĐQT       | 10/2/2020 | Thông qua Hợp đồng bán xi măng Điện Biên  |
| 4   | 032020/NQ-<br>HĐQT           | 20/3/2020 | Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên 2020   |
| 5   | 042020/NQ-<br>HĐQT           | 20/3/2020 | Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên 2020<br>( Thay thế NQ 032020/NQ-HĐQT )                               |
| 6   | 05/2020/NQ-<br>HĐQT/SCC      | 26/3/2020 | Thông qua phương án vay vốn để mua ô tô phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty            |
| 7   | 06/2020/NQ-<br>HĐQT/SCC      | 1/4/2020  | Lùi ngày họp ĐHCĐ thường niên 2020  |
| 8   | 07/2020/NQ-<br>HĐQT/SCC      | 8/4/2020  | Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên 2020   |



|    |                    |            |   |
|----|--------------------|------------|---|
| 9  | 06-2020/NQHĐQT-SCC | 02/6/2020  | Thông qua kết thúc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Cty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình |
| 10 | 08/NQ-HĐQT         | 17/6/2020  | Miễn nhiệm TGD hiện tại, bổ nhiệm TGD mới   |
| 11 | 26.11/2020/NQ-HĐQT | 26/11/2020 | Miễn nhiệm TGD hiện tại, bổ nhiệm TGD mới. Đổi tên Công ty                                |

## 1.2. Cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên       | Chức vụ         | Số CP sở hữu cá nhân | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------|-----------------|----------------------|--------------|
| 1   | Nguyễn Văn Hưng | Chủ tịch HĐQT-  | 0                    | 0%           |
| 2   | Nguyễn Tự Hào   | Thành viên HĐQT | 44.000               | 0,9%         |
| 3   | Đặng Xuân Dương | Thành viên HĐQT | 0                    | 0%           |
| 4   | Nguyễn Chí Thức | Thành viên HĐQT | 0                    | 0%           |

- Trong năm 2020, Công ty đã miễn nhiệm và bầu mới thành viên hội đồng quản trị Công ty.

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên              | Chức vụ        | Số CP sở hữu | Tỷ lệ % |
|-----|------------------------|----------------|--------------|---------|
| 1   | Đỗ Thị Chinh           | Trưởng Ban BKS | 0            | 0%      |
| 2   | Trần Thị Oanh          | Thành viên BKS | 0            | 0%      |
| 3   | Nguyễn Thị Bích Nguyệt | Thành viên BKS | 0            | 0%      |

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do HĐQT và Tổng giám đốc

Công ty ban hành.

BKS đã tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT cùng HĐQT xây dựng định hướng cho SXKD đầu tư XDCB đạt hiệu quả.

### 3. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

#### 3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| Nội dung  | Số tiền(đ/người/tháng) |
|---|------------------------|
| Thù lao của Chủ tịch HĐQT                         | 0 đồng                 |
| Thù lao của Thành viên HĐQT                       | 0 đồng                 |
| Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát                  | 0 đồng                 |
| Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT | 0 đồng                 |

#### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Không có

| Số TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|       |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |  |
| 1     |                           |                          |                           |       |                            |       |  |

#### 3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

#### 3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Thực hiện theo đúng quy chế quản trị Công ty, điều lệ tổ chức hoạt động và quy định của pháp luật.

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

### 1. Ý kiến kiểm toán.

#### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động

kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

*(Có báo cáo tài chính kèm theo)*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**PHAN MINH TUẤN**